

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành  
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0542/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 11 năm 2018.

Địa chỉ: Tổ 53 Phước lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI Phùng Đình Thạnh

Điện thoại liên hệ: 0236.3767625

Email: [benhvienphoi@danang.gov.vn](mailto:benhvienphoi@danang.gov.vn)

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo thực hành
  - Y khoa (Bác sỹ đa khoa)
  - Kỹ thuật xét nghiệm y học
  - Điều dưỡng
2. Trình độ đào tạo thực hành
  - Đại học
3. Số lượng người được đào tạo tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):
  - Tối đa 210 học viên tại cùng một thời điểm
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *đính kèm Phụ lục 1*
5. Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa, phòng: *đính kèm Phụ lục 2*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *đính kèm Phụ lục 3*



(Đính kèm bản công bố: Nội dung chương trình đào tạo thực hành)  
Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Phúc



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH  
(Tại 1 thời điểm)

| ST<br>T | Mã đào<br>tạo | Trìn<br>h độ | Ngành/<br>chuyên<br>ngành | Môn<br>học/học<br>phần/Tin<br>chỉ | Nội dung | Tên<br>khoa/đơn vị<br>thực hành | Số lượng<br>NGD đạt<br>yêu cầu ở<br>vị | Số lượng<br>người học<br>TH tối đa<br>theo<br>NGD | Số<br>giường/ghế<br>răng tại<br>khoa/đặt<br>yêu cầu TH | Số lượng<br>người học<br>TH tối đa<br>theo<br>giường/gh<br>ế răng | Số lượng<br>đang học | Số lượng<br>có thể<br>nhận<br>thêm | Ghi ch<br>số lượng<br>học vị<br>tối đ |
|---------|---------------|--------------|---------------------------|-----------------------------------|----------|---------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1       | 2             | 3            | 4                         | 5                                 | 6        | 7                               | 8                                      | 9                                                 | 10                                                     | 11                                                                | 12                   | 13                                 | 14                                    |
|         |               |              |                           |                                   |          | Hồi sức cấp<br>cứu              | 2                                      | 20                                                | 15                                                     | 45                                                                | 0                    | 20                                 | 20                                    |
|         |               |              |                           |                                   |          | Nội I                           | 1                                      | 10                                                | 35                                                     | 105                                                               | 0                    | 10                                 | 10                                    |
|         |               |              |                           |                                   |          | Nội II                          | 2                                      | 20                                                | 25                                                     | 75                                                                | 0                    | 20                                 | 20                                    |
|         |               |              |                           |                                   |          | Nội III                         | 1                                      | 10                                                | 15                                                     | 45                                                                | 0                    | 10                                 | 10                                    |
|         |               |              |                           |                                   |          | Nội IV                          | 1                                      | 10                                                | 10                                                     | 30                                                                | 0                    | 10                                 | 10                                    |

|           |         |         |                           |                                  |                                                                                         |                 |    |     |     |     |   |     |     |
|-----------|---------|---------|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----|-----|-----|-----|---|-----|-----|
| 2         | 7720601 | Đại học | Kỹ thuật Xét nghiệm y học | Thực tập kỹ thuật Xét nghiệm III | Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng và Giải phẫu bệnh. | Xét nghiệm      | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  | 20  |
|           |         |         |                           |                                  |                                                                                         | Hỏi sức cấp cứu | 4  | 40  | 15  | 45  | 0 | 40  | 40  |
|           |         |         |                           |                                  |                                                                                         | Nội I           | 3  | 30  | 35  | 105 | 0 | 30  | 30  |
|           |         |         |                           |                                  |                                                                                         | Nội II          | 2  | 20  | 25  | 75  | 0 | 20  | 20  |
|           |         |         |                           |                                  |                                                                                         | Nội III         | 3  | 30  | 15  | 45  | 0 | 30  | 30  |
| Tổng cộng |         |         |                           |                                  |                                                                                         |                 | 21 | 210 | 190 | 570 | 0 | 210 | 210 |

7720301A

Đại học

Điều dưỡng đa khoa

Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa II

Chăm sóc người bệnh lao

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH  
(Tại 1 thời điểm)

| ST<br>T | Mã đào<br>tạo | Trìn<br>h độ | Ngành/<br>chuyên<br>ngành | Môn<br>học/học<br>phần/Tin<br>chỉ | Nội dung                              | Tên<br>khoa/đơn vị<br>thực hành | Số lượng<br>NGD đạt<br>yêu cầu ở<br>khoa/đơn<br>vị | Số lượng<br>người học<br>TH tối đa<br>theo<br>NGD | Số<br>giường/ghế<br>răng tại<br>khoa đạt<br>yêu cầu TH | Số lượng<br>người học<br>TH tối đa<br>theo<br>giường/gh<br>ế răng | Số lượng<br>đang học | Số lượng<br>có thể<br>nhận<br>thêm | Ghi ch<br>số lượng<br>học vị<br>tối đ |
|---------|---------------|--------------|---------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1       | 2             | 3            | 4                         | 5                                 | 6                                     | 7                               | 8                                                  | 9                                                 | 10                                                     | 11                                                                | 12                   | 13                                 | 14                                    |
| 1       | 7720101       | Đại<br>học   | Y khoa                    | Thực tập<br>lâm sàng<br>lao       | Thực hành<br>khẩn và chữa<br>bệnh lao | Hồi sức cấp<br>cứu              | 2                                                  | 20                                                | 15                                                     | 45                                                                | 0                    | 20                                 | 20                                    |
|         |               |              |                           |                                   |                                       | Nội I                           | 1                                                  | 10                                                | 35                                                     | 105                                                               | 0                    | 10                                 | 10                                    |
|         |               |              |                           |                                   |                                       | Nội II                          | 2                                                  | 20                                                | 25                                                     | 75                                                                | 0                    | 20                                 | 20                                    |
|         |               |              |                           |                                   |                                       | Nội III                         | 1                                                  | 10                                                | 15                                                     | 45                                                                | 0                    | 10                                 | 10                                    |
|         |               |              |                           |                                   |                                       | Nội IV                          | 1                                                  | 10                                                | 10                                                     | 30                                                                | 0                    | 10                                 | 10                                    |

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

**PHỤ LỤC 2**

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

**1. Đại học/ Y khoa**

Danh sách giảng viên/ khoa/ giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)  
(Đại học/ Y khoa)

| STT | Họ và tên        | Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề                     | Phạm vi hành nghề                                 | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/học phần/tin chỉ | Nội dung môn học                            | Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành | Số giường/ghế răng đặt yêu cầu thực hành |
|-----|------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | 2                | 3                                        | 4                                   | 5                                       | 6                                                 | 7                      | 8                        | 9                                           | 10                                    | 11                                       |
| 1   | Lê Thành Phúc    | Thạc sĩ, bác sĩ                          | Nội khoa                            | 002197/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 24/10/2013 | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội hô hấp       | 6                      | Thực tập lâm sàng Lao    | Thực hành khám và chữa bệnh lao             | Khoa Hô hấp và cấp cứu                | 15                                       |
| 2   | Nguyễn Quốc Huy  | Bác sĩ chuyên khoa I                     | Nội khoa                            | 002397/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 04/12/2013 | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội              | 6                      | Thực tập lâm sàng Lao    | Thực hành khám và chữa bệnh nội hô hấp, lao | Khoa Hô hấp và cấp cứu                | 15                                       |
| 3   | Nguyễn Thanh Mai | Bác sĩ                                   | Bác sĩ đa khoa                      | 002700/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 12/12/2013 | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa lao và bệnh phổi | 6                      | Thực tập lâm sàng Lao    | Thực hành khám và chữa bệnh lao             | Khoa Nội I                            | 35                                       |

|   |                   |                            |                   |                                                |                                                               |   |                          |                                       |              |    |
|---|-------------------|----------------------------|-------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---|--------------------------|---------------------------------------|--------------|----|
| 4 | Đặng Thanh Nguyễn | Bác sỹ<br>chuyên<br>khoa I | Nội khoa          | 002195/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>24/10/2013 | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Nội                 | 5 | Thực tập lâm<br>sàng Lao | Thực hành<br>khám và chữa<br>bệnh lao | Khoa Nội II  | 25 |
| 5 | Nguyễn Đức Bình   | Thạc sỹ,<br>bác sỹ         | Nội khoa          | 003719/BYT-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>12/3/2013  | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>lao và bệnh<br>phổi | 6 | Thực tập lâm<br>sàng Lao | Thực hành<br>khám và chữa<br>bệnh lao | Khoa Nội II  | 25 |
| 6 | Hà Thúc Văn       | Bác sỹ                     | Bác sỹ đa<br>khoa | 002203/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>24/10/2013 | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>nội hô hấp          | 6 | Thực tập lâm<br>sàng Lao | Thực hành<br>khám và chữa<br>bệnh lao | Khoa Nội III | 15 |
| 7 | Phùng Đình Thanh  | Bác sỹ<br>chuyên<br>khoa I | Nội khoa          | 003557/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày<br>20/3/2014   | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Nội                 | 5 | Thực tập lâm<br>sàng Lao | Thực hành<br>khám và chữa<br>bệnh lao | Khoa Nội IV  | 10 |



## 2. Đại học/ Xét nghiệm

(Đại học/ Xét nghiệm y học)

| STT | Họ và tên       | Học hàm,           | Ngành,         | Chứng chỉ                                 | Phạm vi                                     | Số năm | Môn học/học                      | Nội dung môn                                                                            | Tên             | Số |
|-----|-----------------|--------------------|----------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|--------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----|
| 1   | 2               | 3                  | 4              | 5                                         | 6                                           | 7      | 8                                | 9                                                                                       | 10              | 11 |
| 1   | Nguyễn Hữu Huân | Cử nhân xét nghiệm | Kỹ thuật y học | 002169/DNA-CCHN<br>Cấp ngày : 24/10/2013  | Thực hiện chuyên môn kỹ thuật về xét nghiệm | 6      | Thực tập kỹ thuật Xét nghiệm III | Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Hóa sinh, Vĩ sinh, Kỹ sinh trùng và Giải phẫu bệnh. | Khoa xét nghiệm |    |
| 2   | Hoàng Thị Ngọc  | Cử nhân xét nghiệm | Kỹ thuật y học | 0005081/DN A-CCHN<br>Cấp ngày : 30/3/2015 | Thực hiện chuyên môn kỹ thuật về xét nghiệm | 4      |                                  |                                                                                         |                 |    |

### 3. Đại học/ Điều dưỡng

Danh sách giảng viên/ khoa/ giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành (dựa vào chương trình thực hành)  
(Đại học/ Điều dưỡng)

| STT | Họ và tên            | Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề                     | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/học phần/tin chỉ                     | Nội dung môn học                 | Tên khoa/đơn vị đặt yêu cầu thực hành | Số giường/ghế răng đặt yêu cầu thực hành |
|-----|----------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | 2                    | 3                                        | 4                                   | 5                                       | 6                 | 7                      | 8                                            | 9                                | 10                                    | 11                                       |
| 1   | Thái Thị Thanh Hương | Cử nhân điều dưỡng                       | Điều dưỡng                          | 002870/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 27/12/2013 | Điều dưỡng        | 6                      | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa II | Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao | Khoa Hồi sức cấp cứu                  | 15                                       |
| 2   | Vũ Thị Thanh Tâm     | Cử nhân điều dưỡng                       | Điều dưỡng                          | 002172/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 24/10/2013 | Điều dưỡng        | 6                      | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa II | Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao | Khoa Hồi sức cấp cứu                  | 15                                       |
| 3   | Trịnh Thị Mơ         | Cử nhân điều dưỡng                       | Điều dưỡng                          | 002781/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 27/12/2013 | Điều dưỡng        | 6                      | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa II | Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao | Khoa Hồi sức cấp cứu                  | 15                                       |
| 4   | Trương Thị Kim Long  | Cử nhân điều dưỡng                       | Điều dưỡng                          | 002161/DNA-CCHN<br>Cấp ngày: 24/10/2013 | Điều dưỡng        | 6                      | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa II | Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao | Khoa Hồi sức cấp cứu                  | 15                                       |

|    |                          |                          |               |                                                |            |   |                                                       |                                        |         |    |
|----|--------------------------|--------------------------|---------------|------------------------------------------------|------------|---|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|----|
| 5  | Trần Ngọc Hà Linh        | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 005301/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>14/7/2015  | Điều dưỡng | 4 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội I   | 35 |
| 6  | Lương Thị Kim<br>Ngân    | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002805/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>27/12/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội I   | 35 |
| 7  | Bùi Thị Thu              | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002870/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>27/12/2013 | Điều dưỡng | 5 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội I   | 35 |
| 8  | Nguyễn Thị Loan          | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002580/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>12/12/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội II  | 25 |
| 9  | Trương Thị Hồng<br>Diệp  | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002164/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>24/10/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội II  | 25 |
| 10 | Đoàn Thị Thanh<br>Phượng | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002552/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>04/12/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội III | 15 |
| 11 | Trịnh Thị Tâm            | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002993/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>12/12/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội III | 15 |
| 12 | Nguyễn Thị Mỹ<br>Dung    | Cư nhân<br>điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng | 002505/DNA-<br>CCHN<br>Cấp ngày:<br>04/12/2013 | Điều dưỡng | 6 | Chăm sóc sức<br>khỏe người lớn<br>bệnh Nội khoa<br>II | Chăm sóc sức<br>khỏe người<br>bệnh lao | Nội III | 15 |

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2019

PHỤ LỤC 3

1. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Đại học /Y khoa)

| STT | Tên trang thiết bị                    | Số lượng | Ghi chú            |
|-----|---------------------------------------|----------|--------------------|
| 1   | Hội trường họp/ giảng dạy + Bàn ghế   | 1        | Sức chứa 100 người |
| 2   | Máy chiếu                             | 1        | Trong hội trường   |
| 3   | Dàn âm loa                            | 1        | Trong hội trường   |
| 4   | Hệ thống Internet                     | 1        | Toàn viện          |
| 5   | Bảng trắng                            | 1        |                    |
| 6   | Phòng giao ban tại các khoa/ phòng    | 5        |                    |
| 7   | Phòng trực cho giảng viên và học viên | 5        |                    |
| 8   | Bộ đo Huyết áp + Ống nghe             | 12       |                    |
| 9   | Đèn đọc phim XQuang                   | 6        |                    |

**2. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ**  
**TÀI KHOẢN/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
 (Đại học /Xét nghiệm y học)

| STT | Tên trang thiết bị                                     | Số lượng | Ghi chú            |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|--------------------|
| 1   | Hội trường họp/ giảng dạy + Bàn ghế                    | 1        | Sức chứa 100 người |
| 2   | Máy chiếu                                              | 1        | Trong hội trường   |
| 3   | Dàn âm loa                                             | 1        | Trong hội trường   |
| 4   | Hệ thống Internet                                      | 1        | Toàn viện          |
| 5   | Bảng trắng                                             | 1        |                    |
| 6   | Phòng giao ban tại các khoa                            | 1        |                    |
| 7   | Phòng trực cho giảng viên và học viên                  | 1        |                    |
| 8   | Tủ hấp khô Sanyo ( Tủ sấy khô )                        | 1        |                    |
| 9   | Bếp gia nhiệt- SBH LL30D- Anh                          | 1        |                    |
| 10  | Bàn đọc UV - M20E-Mỹ                                   | 1        |                    |
| 11  | Máy sinh hoá HUMALIZE3000- Đức                         | 1        |                    |
| 12  | Máy ly tâm Sonal Hegned Mach 16 Đức (THERMO)           | 1        |                    |
| 13  | Tủ đông môi trường GRANT- GD 1001N                     | 1        |                    |
| 14  | Tủ an toàn sinh học cấp 2 ( NUAIRE)                    | 1        |                    |
| 15  | Nồi hấp tiết trùng ( TOMY)                             | 2        |                    |
| 16  | Tủ an toàn sinh học cấp 1 (NUARE kèm lưu điện Santak)  | 1        |                    |
| 17  | Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Telstar)                    | 1        |                    |
| 18  | Máy ly tâm: Rotina 380R, Rotina 380                    | 2        |                    |
| 19  | Máy cất nước cất ( AQUATRON-A4000)                     | 1        |                    |
| 20  | Tủ an toàn sinh học cấp 2- TELSTAR kèm lưu điện Santak | 1        |                    |

|    |                                                                                |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---|--|
| 21 | Máy Gene Xpert CEPHEID<br>kèm lưu điện Hiudaini- SA 18HD                       | 2 |  |
| 22 | Đầu đọc máy MGIT - BATECMICRO                                                  | 1 |  |
| 23 | Máy nuôi cấy lỏng MGIT-960                                                     | 1 |  |
| 24 | Dụng cụ trợ điện cho Pipet tự động                                             | 2 |  |
| 25 | Máy phân tích huyết học 18 thông số - Human                                    | 1 |  |
| 26 | Hệ thống máy phân tích khí máu, điện giải đồ Model: GEM Premier 3000, hsx: USA | 1 |  |
| 27 | Máy phân tích sinh hóa tự động<br>EOSBROVO PLUS gồm màn hình+ bàn phím         | 1 |  |
| 28 | Hệ thống máy PCR - Realtime                                                    | 1 |  |
| 29 | Dàn Elisa bán tự động GEA-SAGA-DTS2                                            | 1 |  |
| 30 | Tủ âm INE- 800( MEMERT GMPH-800)                                               | 1 |  |
| 31 | Máy sấy lam Electrotherma                                                      | 1 |  |
| 32 | Kính hiển vi                                                                   | 3 |  |
| 33 | Máy huyết học M20M (Medonic)                                                   | 1 |  |
| 34 | Máy XN Eliza Personal Lab ADALITS - Ý gồm:máy in canon + máy<br>vi tính        | 1 |  |
| 35 | Máy xét nghiệm nước tiểu 13 thông số Combilyzer13 - Human                      | 1 |  |
| 36 | Máy đo tốc độ lắng máu (VSS )ThermanE                                          | 1 |  |
| 37 | Bình cầu đáy bằng 2000ml                                                       | 3 |  |
| 38 | Cốc đót thấp thành 600ml                                                       | 1 |  |
| 39 | Cốc đót thấp thành 1000ml                                                      | 1 |  |
| 40 | Ống đong thủy tinh 25ml                                                        | 1 |  |
| 41 | Ống đong thủy tinh 1000ml                                                      | 2 |  |

|    |                                   |    |  |
|----|-----------------------------------|----|--|
| 42 | Phễu thủy tinh 150mm              | 2  |  |
| 43 | Chai trung tính                   | 4  |  |
| 44 | Micropipet các loại               | 10 |  |
| 45 | Máy đo nước tiểu Lena 10 thông số | 1  |  |

thubt2-18/04/2025 14:14:41 28-thubt2-thubt2-thubt2

**3. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
(Đại học / Điều dưỡng)

| STT | Tên trang thiết bị                    | Số lượng | Ghi chú            |
|-----|---------------------------------------|----------|--------------------|
| 1   | Hội trường họp/ giảng dạy + Bàn ghế   | 1        | Sức chứa 100 người |
| 2   | Máy chiếu                             | 1        | Trong hội trường   |
| 3   | Dàn âm loa                            | 1        | Trong hội trường   |
| 4   | Hệ thống Internet                     | 1        | Toàn viện          |
| 5   | Bảng trắng                            | 1        |                    |
| 6   | Phòng giao ban tại các khoa/ phòng    | 5        |                    |
| 7   | Phòng trực cho giảng viên và học viên | 5        |                    |
| 8   | Bộ đo Huyết áp + Ống nghe             | 12       |                    |
| 9   | Bộ dụng cụ tiểu phẫu                  | 1        |                    |
| 10  | Cân BN                                | 5        |                    |
| 11  | Hộp chống sốc                         | 7        |                    |
| 12  | Nhiệt kế                              | 12       |                    |
| 13  | Máy đo huyết áp + ống nghe            | 12       |                    |
| 14  | Máy hút dịch / khí                    | 10       |                    |
| 15  | Máy đo điện tim                       | 4        |                    |
| 16  | Máy thở khí dung                      | 12       |                    |
| 17  | Ambu bóp bóng                         | 6        |                    |
| 18  | Bộ dụng cụ thay băng( 7 y cụ)         | 15       |                    |
| 19  | Bộ dụng cụ tiêm truyền                | 10       |                    |

#### IV. Các nội dung thực hành theo chương trình đào tạo

| STT | NỘI DUNG THỰC HÀNH                                                                                                                                                                                                 | NƠI THỰC TẬP                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Nhận biết một số triệu chứng lâm sàng của bệnh lao phổi                                                                                                                                                            | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |
| 2   | Thu thập thông tin, thăm khám, xác định các vấn đề sức khỏe trên ca bệnh được phân công                                                                                                                            | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |
| 3   | Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh lao phổi, lao màng phổi, lao cốt sống, lao hạch, lao màng não, ho ra máu, tràn khí màng phổi                                                                    | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |
| 4   | Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân lao và người nhà                                                                                                                                                         | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |
| 5   | Tìm hiểu về chương trình chống lao quốc gia                                                                                                                                                                        | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |
| 6   | Thực hành một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản (sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, các kỹ thuật tiêm/ truyền, cho người bệnh thở oxy, thở khí dung, lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, đặt thông tiểu, thông dạ dày...) | Khoa Hồi sức cấp cứu, Nội I, Nội II, Nội III |

- Thực hiện chăm sóc toàn diện những người bệnh được phân công tại các khoa
- Mỗi sinh viên lập ít nhất một kế hoạch chăm sóc người bệnh được phân công

#### 5. Đánh giá

Điểm kết thúc học phần là tổng hợp các điểm: Chuyên cần; Ý thức thực hiện nội quy khoa phòng; Kỹ năng giao tiếp; Thái độ phục vụ người bệnh; Có sổ tay lâm sàng ghi chép các kỹ thuật đầy đủ; Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh, theo bảng điểm sau:

| Stt | Nội dung                                        | Số điểm   | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Chuyên cần: đảm bảo thời gian, nếu vắng phải bù | 1.0       |         |
| 2   | Ý thức tuân thủ nội quy khoa, phòng             | 1.0       |         |
| 3   | Kỹ năng giao tiếp                               | 1.0       |         |
| 4   | Thái độ phục vụ người bệnh                      | 1.0       |         |
| 5   | Có sổ tay ghi chép lâm sàng                     | 1.0       |         |
| 6   | Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh                | 5.0       |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>10</b> |         |

- Điểm học phần do các giảng viên hướng dẫn thực hành và đội ngũ điều dưỡng ở khoa phòng đánh giá.
- Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: Làm tròn đến phần nguyên.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

## NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

**Ngành: Điều dưỡng**

Trình độ: Đại học. Mã ngành: 7720301

### I. Đối tượng, tên học phần, thời lượng và địa điểm thực tập

1.1. Đối tượng, tên học phần, thời lượng:

- Đối tượng: Đại học Điều dưỡng
- Tên học phần: Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa (lao- bệnh phổi)
- Thời gian thực tập: 2 tuần

**Địa điểm thực tập:** Các khoa lâm sàng – Bệnh viện Phổi Đà Nẵng

## II. Mục tiêu

- 2.1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc toàn diện cho các người bệnh lao- bệnh phổi tại các khoa được phân công.
- 2.2. Thực hành đúng các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản

### III. Yêu cầu

### 3.1. Yêu cầu chung:

- Chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công của phòng điều dưỡng, Trung tâm Đào tạo và chỉ đạo tuyến, khoa phòng của cơ sở thực hành.
- Chấp hành nội quy của cơ sở thực hành.
- Quan hệ tốt với nhân viên bệnh viện. Tôn trọng người bệnh và gia đình người bệnh.
- Thực hiện đúng y đức nghề nghiệp.
- Giữ gìn, bảo vệ dụng cụ trang thiết bị tại khoa phòng thực tế, nếu làm hư hỏng mất mát phải bồi thường.
- Tham gia trực gác đầy đủ, không bỏ trực với bất cứ lý do nào, đôi trực phải được phép của điều dưỡng phụ trách và điều dưỡng trưởng khoa.

### 3.2. Yêu cầu chuyên môn:

- Nhận biết được triệu chứng lâm sàng của các thể lao
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh lao
- Thực hành đúng các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản
- Tham gia chăm sóc toàn diện người bệnh được phân công
- Hoàn thành các chỉ tiêu thực tập theo kế hoạch của khoa.



|   |                                                                           |
|---|---------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Kỹ thuật xét nghiệm AFB nhuộm soi trực tiếp phương pháp Ziehl-Neelsen     |
| 2 | Kỹ thuật xét nghiệm AFB nhuộm soi trực tiếp phương pháp nhuộm huỳnh quang |
| 3 | MTB định danh và kháng RMP Xpert                                          |
| 4 | Nuôi cấy vi khuẩn lao trên môi trường lỏng                                |
| 5 | Nuôi cấy vi khuẩn lao trên môi trường đặc                                 |
| 6 | MTB kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng                                    |
| 7 | Phản ứng Mantoux                                                          |
| 8 | Vi khuẩn nhuộm soi                                                        |
| 9 | Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường                   |

Tìm hiểu, mô tả quá trình lưu trữ các kết quả nội - ngoại kiểm, các quy trình đảm bảo an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm (Ví dụ: quy trình phân loại và xử lý rác thải, quy trình vệ sinh phòng xét nghiệm, quy trình xử lý sự cố trong phòng xét nghiệm...), các biểu mẫu mô tả quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc trang thiết bị trong phòng xét nghiệm.

#### V. Đánh giá quá trình thực tập

5.1. Điểm kết thúc học phần thực tập là tổng hợp các điểm: Chuyên cần; Ý thức thực hiện nội quy khoa phòng; Kỹ năng giao tiếp; Thái độ phục vụ người bệnh; Có sổ tay lâm sàng ghi chép các kỹ thuật đầy đủ; Kỹ năng tay nghề, theo bảng điểm sau:

| Stt | Nội dung                                                              | Số điểm   | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Chuyên cần: đảm bảo thời gian, nếu vắng phải bù                       | 1.0       |         |
| 2   | Ý thức tuân thủ nội quy khoa, phòng                                   | 1.0       |         |
| 3   | Kỹ năng giao tiếp                                                     | 1.0       |         |
| 4   | Thái độ phục vụ người bệnh                                            | 1.0       |         |
| 5   | Có sổ tay ghi chép lâm sàng                                           | 1.0       |         |
| 6   | Kỹ năng tay nghề: điểm số đạt được theo % chỉ tiêu tay nghề quy định. | 5.0       |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                      | <b>10</b> |         |

5.2. Điểm học phần thực tập do các giảng viên hướng dẫn và cán bộ của khoa/phòng nơi sinh viên đến thực tập thực hiện.

5.3. Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: Làm tròn đến phần nguyên.

- Phân tích được kết quả xét nghiệm. Phát hiện và khắc phục được những sai lầm thường gặp cũng như cách xử lý các tình huống khó xảy ra.

- Nắm vững quy trình nội kiểm. Tìm hiểu thêm về các quy trình an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm cũng như các công việc hành chính của khoa phòng.

- Tìm hiểu quy trình quản lý, bảo trì bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị, máy móc cũng như kế hoạch dự trù, quản lý vật tư hóa chất tiêu hao.

- Phải có sổ thực tập ghi chép những công việc đã làm trong ngày. Tham gia giao ban, trực gác với nhân viên khoa phòng khi có yêu cầu.

#### IV. Các nội dung thực hành theo chương trình đào tạo

##### 4.2.1. Huyết học

| STT | NỘI DUNG                                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quy trình đón tiếp và giao tiếp với bệnh nhân, trả kết quả xét nghiệm.                                        |
| 2   | Pha một số hóa chất xét nghiệm huyết học, nhận biết các hoá chất được sử dụng trong các xét nghiệm huyết học. |
| 3   | Kỹ thuật lấy máu mao mạch                                                                                     |
| 4   | Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch                                                                                    |
| 5   | Làm công thức máu                                                                                             |
| 6   | Làm tiêu bản máu ngoại vi                                                                                     |

##### 4.2.2. Hóa sinh.

| STT | NỘI DUNG                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------|
| 1   | Định lượng cholesterol trong máu                                 |
| 2   | Định lượng triglycerid trong máu                                 |
| 3   | Định lượng HDL-C trong máu                                       |
| 4   | Định lượng LDL-C trong máu                                       |
| 5   | Định lượng protein trong máu và nước tiểu                        |
| 6   | Định lượng Fibrinogen trong máu                                  |
| 7   | Định lượng bilirubin (toàn phần, trực tiếp, gián tiếp) trong máu |
| 8   | Đo hoạt độ GOT, GPT, GGT trong máu                               |
| 9   | Định lượng creatinin trong máu và nước tiểu                      |
| 10  | Định lượng ure trong máu và nước tiểu                            |
| 11  | Định lượng acid uric trong máu và nước tiểu                      |
| 12  | Xét nghiệm 10 thông số nước tiểu                                 |
| 13  | Định lượng glucose trong máu và nước tiểu                        |

##### 4.2.3. Vi sinh, Ký sinh trùng

| STT | NỘI DUNG |
|-----|----------|
|-----|----------|



**Ngành: Kỹ thuật Xét nghiệm y học**  
**Trình độ: Đại học. Mã ngành: 7720601**

1.3. Thời gian thực tập : 1 tháng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm đã được học, kiến tập và tích cực học thêm những kỹ thuật mới.

- Tham gia trực theo sự phân công của các giáo viên hướng dẫn.
- Tham gia giao ban, nộp bệnh án cho giáo viên phụ trách.

#### IV. Nội dung, chỉ tiêu thực tập

4.1. Thực tập, thực hành thăm khám, phát hiện triệu chứng, chỉ định cận lâm sàng và đọc, vận dụng các kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, đề xuất phác đồ điều trị, theo dõi diễn tiến bệnh, tư vấn phòng bệnh cho các mặt bệnh lao :

| Stt | Nội dung                                                                        | Chỉ tiêu<br>(số lần thực hiện) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Chẩn đoán bệnh lao                                                              | Ít nhất 1 lần cho 1 bệnh lý    |
| 2   | Chẩn đoán bệnh lao kháng thuốc                                                  |                                |
| 3   | Chẩn đoán bệnh lao trẻ em                                                       |                                |
| 4   | Phân loại bệnh lao                                                              |                                |
| 5   | Điều trị bệnh lao                                                               |                                |
| 6   | Lao hạch ngoại biên                                                             |                                |
| 7   | Lao xương khớp                                                                  |                                |
| 8   | Lao màng não                                                                    |                                |
| 9   | Lao tiết niệu – sinh dục                                                        |                                |
| 10  | Lao màng bụng                                                                   |                                |
| 11  | Độc tính gan do thuốc lao                                                       |                                |
| 12  | Sử dụng corticoid trong điều trị bệnh lao                                       |                                |
| 13  | X Quang trong chẩn đoán lao phổi                                                |                                |
| 14  | Tham gia trực bệnh viện và làm bệnh án đêm trực theo yêu cầu của cơ sở thực tập |                                |
| 15  | Làm bệnh án yêu cầu                                                             | Ít nhất 1 tuần 01 bệnh án      |

4.2. Khám, phát hiện triệu chứng các trường hợp cấp cứu trong bệnh lao như ho ra máu và tràn khí màng phổi. Kiên tập, thực tập hướng xử trí cấp cứu.

4.3. Tìm hiểu chương trình phòng chống lao quốc gia.

#### V. Đánh giá thực tập

Sinh viên sẽ được đánh giá trong suốt quá trình thực tập và sẽ có ít nhất 03 cột điểm. Các đánh giá sẽ bao gồm:

- Chuyên cần : 20%
- Hỏi vấn đáp: 40%
- Làm Bệnh án: 40%

Điểm học phần thực tập do các giảng viên hướng dẫn và cán bộ của khoa/phòng nơi sinh viên đến thực tập thực hiện.

Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: Làm tròn đến phần nguyên.

## Trình độ: Đại học. Mã ngành: 7720101

**1.4. Thời gian thực tập :** 1 tháng

## II. Mục tiêu thực tập

- 2.1. Giao tiếp tốt với cán bộ nhân viên của bệnh viện, người bệnh và người nhà.
- 2.2. Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế lâm sàng để thực hành thăm khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các thể bệnh lao thông thường, xử trí các cấp cứu trong bệnh lao. Phân tích hình ảnh X-quang phổi, kết quả sinh học, tế bào của dịch màng phổi và một xét nghiệm vi trùng học của bệnh lao.
- 2.3. Tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách phòng bệnh, biết cách tự phòng bệnh cho bản thân và cho mọi người xung quanh.
- 2.4. Tìm hiểu và tham gia vào các hoạt động của chương trình chống lao quốc gia

### III. Yêu cầu thực tập

### 3.1. Yêu cầu chung

- Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của bệnh viện và của trường.
- Thực tập đúng ngày giờ quy định: vắng 1 buổi thực tập phải trực bù vào thứ bảy hoặc chủ nhật tuần đó.
- Quan hệ tốt với nhân viên bệnh viện, tôn trọng người bệnh và gia đình người bệnh, đặc biệt chú ý khâu tâm lý tiếp xúc.
- Có trang phục đúng quy định, móng tay cắt ngắn, tóc gọn gàng, sạch sẽ.
- Bảo quản tốt, cẩn thận dụng cụ của nhà trường và của bệnh viện. Nếu xảy ra mất mát, hư hỏng, phải bồi thường.

### 3.2. Yêu cầu chuyên môn.

- Tham gia cùng bác sĩ thăm khám, phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị những bệnh lý lao thường gặp.
- Nghiêm chỉnh thực hiện tốt các quy định về chống nhiễm khuẩn.

